

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/ST – HNGĐ

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

*“V/v Yêu cầu ly hôn
và nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết Mai và ông Bùi Công Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên

Ngày 29/3/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST – HNGĐ ngày 07/3/2022 về việc “Yêu cầu ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trọng T – Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Thanh L – Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn 8, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Không có lý do).

* *Người làm chứng:* Ông Hoàng Đình V – Sinh năm: 1955

Trú tại: Thôn 8, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trọng T trình bày:*

Anh Nguyễn Trọng T và chị Hoàng Thị Thanh L sống chung như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh T và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do chị L làm ăn dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Việc nợ nần của chị L ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, do đó giữa hai vợ chồng xảy ra tranh cãi. Mặc dù anh T đã nhiều lần khuyên bảo và cùng chị L khắc phục khó khăn, nhưng chị L không cố gắng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh T và chị L sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T sống tại thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An còn chị L về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 8, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An sinh sống. Hiện tại, anh T và chị L không còn tình cảm với nhau nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, anh T và chị L có 3 người con chung là Nguyễn Thị T – Sinh ngày 25/11/2007; Nguyễn Trọng T – Sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 04/12/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay các con ở với anh T. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị Thanh L vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án chị L không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là ông Hoàng Đình V vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Đình V trình bày:

Ông V là bố của chị L, anh T là con rể của ông V. Việc anh T và chị L chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không thì ông V không biết, ông V chỉ biết gia đình hai bên nội ngoại có tổ chức đám cưới cho vợ chồng anh T và chị L vào năm 2006 theo phong tục, tập quán ở địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn thất bại dẫn tới việc nợ nần nên phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị L đã vào Miền Nam sinh sống, làm ăn từ giữa năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Khi đi Miền Nam làm ăn chị L chỉ nói đi vào Miền Nam làm ăn chứ không nói địa chỉ cụ thể. Quá trình làm ăn ở Miền Nam chị L có gọi điện về hỏi thăm sức khỏe gia đình. Việc anh T làm đơn yêu cầu ly hôn thì chị L có biết vì mỗi lần nhận được các văn bản của Tòa án ông V đều gọi điện báo cho chị L biết. Việc anh T yêu cầu ly hôn thì chị L không có ý kiến gì, chị L có nói với ông V là do đi làm ăn xa không về được và đây là việc riêng của các con nên để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, có 3 người con chung gồm Nguyễn Thị T – Sinh ngày 25/11/2007; Nguyễn Trọng T – Sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 04/12/2012. Từ khi ly thân đến nay thì các con ở với anh T. Về tài sản chung, anh T và chị L không có tài sản chung gì.

- *Tại bản tự khai ngày 18/01/2022 các cháu Nguyễn Thị T, Nguyễn Trọng T và Nguyễn Thị T trình bày:*

Bố cháu là Nguyễn Trọng T, mẹ cháu là Hoàng Thị Thanh L hiện nay bố mẹ không sống với nhau do mẹ đi làm ăn xa không về. Nay bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với bố cháu là Nguyễn Trọng T.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử, bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Hoàng Thị Thanh L.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị T – Sinh ngày 25/11/2007; Nguyễn Trọng T – Sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 04/12/2012 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Hoàng Thị Thanh L.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Yêu cầu ly hôn và nuôi con chung” mà bị đơn cư trú tại, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị Thanh L vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn giữa anh T và chị L cho ông Hoàng Đình V là bố của chị L nhận và ông V đã báo lại cho chị L được biết nhưng chị L vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để giải quyết vụ án nên

không tiến hành hòa giải được. Mặc dù chị L đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh T, nhưng chị L không về và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của mình cho anh T và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị L vẫn cố tình vắng mặt. Đối với anh T đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L và anh T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T khai: Anh T và chị Hoàng Thị Thanh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An thu được: Anh T và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có mặt tại địa phương, do đi làm ăn ở Miền Nam. Tuy nhiên, việc chị L đi làm ăn nhưng không bàn bạc hay báo tin cho anh T được biết. Nên hiện tại anh T không biết chị L làm gì hay sống ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án ông V khai từ khi chị L đi làm ăn cho đến nay chỉ liên lạc qua điện thoại, nhưng chị L không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của mình. Việc chị L biết anh T yêu cầu ly hôn với mình nhưng không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc của mình là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án sẽ xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy việc anh Nguyễn Trọng T và chị Hoàng Thị Thanh L chung sống như vợ chồng từ năm 2006 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là có thật, anh T và chị L có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì giữa anh T và chị L không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Sau khi về chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn không hoà giải được nên đã không chung sống với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Vì vậy, anh T làm đơn yêu cầu ly hôn với chị L. Nên cần áp dụng khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Hoàng Thị Thanh L là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng T và chị Hoàng Thị Thanh L có 3 con chung là Nguyễn Thị T – Sinh ngày 25/11/2007, Nguyễn Trọng T – Sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 04/12/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay các con ở với anh T. Hiện tại chị Hoàng Thị

Thanh L không có mặt tại địa phương, nên cần tiếp tục giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng T không yêu cầu chị Hoàng Thị Thanh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Hoàng Thị Thanh L.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ*: Anh Nguyễn Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về án phí*: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

2/ Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Hoàng Thị Thanh L.

- **Về nuôi con chung:** Giao con chung Nguyễn Thị T – Sinh ngày 25/11/2007, Nguyễn Trọng T – Sinh ngày 05/5/2010 và Nguyễn Thị T – Sinh ngày 04/12/2012 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Hoàng Thị Thanh L.

(Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị Thanh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000060 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

